

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)

HỘI SỞ:

Địa chỉ : 34B - Hàn Thuyên
Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3944 5474
Fax : (84-4) 3944 5475
Email : report@nsi.vn
Website : <http://www.nsi.com.vn>

CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : 168 - Nguyễn Công Trứ
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3821 7304
Fax : (84-8) 3821 7305

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA (NSI)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.
- Vốn điều lệ: **50.000.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 34B - Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: (84-4) 3944 5474
- Số fax: (84-4) 3944 5475
- Website: <http://www.nsi.vn>

2. Quá trình hình thành và phát triển:

2.1 Giấy phép kinh doanh:

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- Giấy phép điều chỉnh nghiệp vụ kinh doanh số 196/UBCK-GP ngày 05/3/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Giấy phép điều chỉnh thay đổi người đại diện theo pháp luật số 89/GPĐC-UBCK ngày 31/5/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Giấy phép thay đổi địa điểm trụ sở chính số 97/GPĐC-UBCK ngày 04/7/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2.2 Các mốc lịch sử quan trọng.

Mốc thời gian	Sự kiện
11/12/2006	Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng
15/12/2006	Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD với ngành nghề kinh doanh Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán
25/12/2006	Công ty được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 32/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp
29/12/2006	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

12/01/2007	Công ty trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
27/7/2007	Quyết định số 441/QĐ-UBCK về việc lập Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
23/8/2007	Quyết định số 480/QĐ-UBCK về việc chấp thuận lập Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
19/7/2011	Công ty được chấp thuận đăng ký cung cấp dịch chứng khoán trực tuyến
09/01/2012	Quyết định bổ nhiệm bà Bùi Thị Việt Hà làm Tổng Giám đốc Công ty
24/4/2012	Quyết định số 392/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần từ 10% Vốn điều lệ của Công ty
31/5/2012	Quyết định số 89/GPĐC-UBCK về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty
04/7/2012	Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính Công ty về số 34B - Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội
18/7/2012	Đóng cửa Phòng Giao dịch số 18 - Đoàn Trần Nghiệp, phường Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội.
31/10/2012	Quyết định số 903/QĐ-UBCK về việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh
13/11/2012	Quyết định số 936/QĐ-UBCK về việc thay đổi địa điểm Chi nhánh Công ty tại TP.Hồ Chí Minh về địa chỉ số 168 - Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

3.1 Nghiệp vụ kinh doanh:

- Môi giới Chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Hiện nay Công ty có trụ sở tại Hà nội và có Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý.

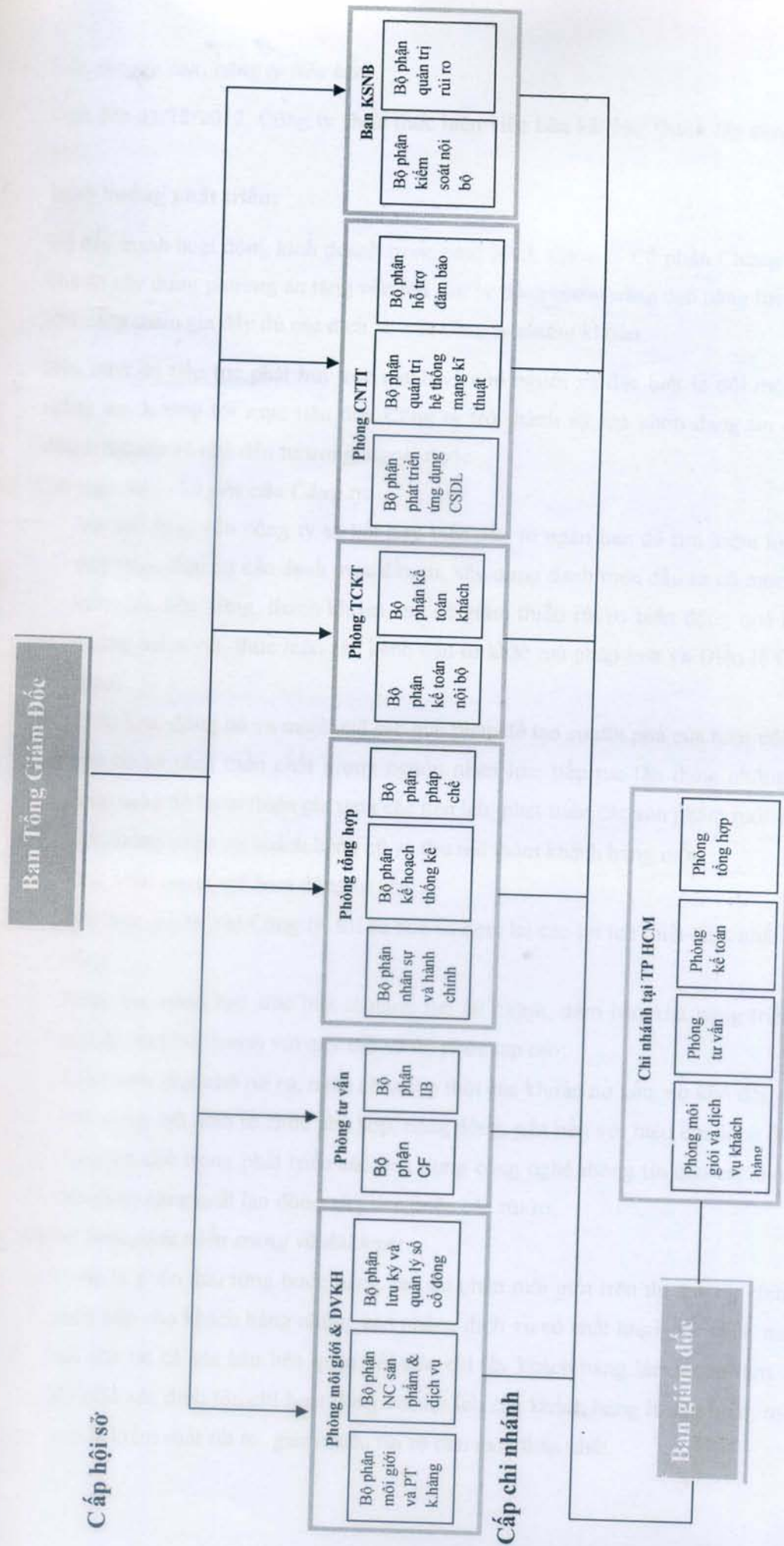
Mô hình tổ chức của Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia bao gồm: 1) Đại hội đồng cổ đông, 2) Hội đồng Quản trị, 3) Ban Kiểm soát, 4) Ban Tổng Giám đốc và 5) Các Phòng/ban chức năng, các Chi nhánh trực thuộc Công ty

Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân cấp, quản lý theo chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền; các Trưởng phòng/ban trực tiếp giải quyết công việc của Phòng/ban đó.

Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và đảm bảo hiệu quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

GIẢI ĐOẠN 1 : Đến cuối năm 2012



Cấp hội sở

Cấp chi nhánh

Chi nhánh tại TP HCM

4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện việc liên kết hay thành lập công ty con nào khác.

5. Định hướng phát triển:

Đề dấy mạnh hoạt động kinh doanh trong năm 2013, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã xây dựng phương án tăng vốn lên 170 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực tài chính và khả năng tham gia đầy đủ các dịch vụ của công ty chứng khoán.

Bên cạnh đó tiếp tục phát huy sức mạnh về con người và đặc biệt là đổi mới công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu đưa Công ty trở thành sự lựa chọn đáng tin cậy của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong, ngoài nước.

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sau khi tăng vốn công ty sẽ kết hợp việc đầu tư ngắn hạn để tìm kiếm lợi nhuận với việc thực hiện cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư có mức sinh lợi kỳ vọng tốt, bền vững, thanh khoản cao và giảm thiểu rủi ro biến động quá lớn theo thị trường niêm yết, thực hiện các kênh đầu tư khác mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép;
- Triển khai đồng bộ và mạnh mẽ các giải pháp để tạo sự đột phá của hoạt động môi giới trên cơ sở phát triển chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục tận dụng những ứng dụng công nghệ để hoàn thiện gia tăng các tiện ích, phát triển các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới;
- Phát triển mạnh mẽ hoạt động tư vấn;
- Gia tăng giá trị của Công ty, tối đa hóa và đem lại các lợi ích thiết thực nhất cho các cổ đông
- Nâng cao năng lực, đặc biệt là năng lực tài chính, đảm bảo khả năng triển khai các nghiệp vụ kinh doanh với quy mô và độ phức tạp cao;
- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro, ngăn chặn kịp thời các khoản nợ xấu, nợ khó đòi;
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp, năng động, gắn liền với hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục chú trọng phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin cho các hoạt động để nâng cao năng suất lao động và giảm thiểu các rủi ro.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Công ty phấn đấu từng bước nâng cao thị phần môi giới trên thị trường chứng khoán, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, mang lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan với tiêu chí lấy khách hàng làm trọng tâm. Bên cạnh đó NSI xác định tôn chỉ hoạt động với lợi ích của khách hàng là cao nhất, mục tiêu đề cao là kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất.

- Phát triển thành Công ty Chứng khoán cung cấp đa dịch vụ ở Việt Nam.
- Liên kết và khai thác tốt khả năng bán chéo sản phẩm và cung cấp dịch vụ với các đối tác thân thiết của Công ty nhằm phát huy lợi thế về vốn, hệ thống dữ liệu khách hàng

5.3 **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

NSI hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và quy định của thị trường chứng khoán, tài chính nói riêng. Trong tương lai NSI phấn đấu đạt lợi nhuận cao và sẽ trích một phần lợi nhuận đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng, xã hội.

6. **Các rủi ro:**

6.1 **Rủi ro về kinh tế**

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố rủi ro mang tính hệ thống này tác động vào mọi chủ động tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia.

- Rủi ro tăng trưởng kinh tế: Năm 2012 là năm đầy bất ổn với kinh tế thế giới khi một số nước trong Khu vực đồng tiền chung Châu Âu vẫn tiếp tục lún sâu vào khủng hoảng và hầu hết các nền kinh tế lớn đều phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng. Ảnh hưởng của kinh tế thế giới cùng với mục tiêu kiềm chế lạm phát được đặt ra khiến tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2012 ở mức thấp nhất trong vòng 13 năm qua. Kinh tế Việt Nam trong năm tới, theo đánh giá của nhiều chuyên gia, sẽ vẫn phải tiếp tục kế thừa của năm 2012 nhiều vấn đề như nợ xấu, bất động sản đóng băng và các doanh nghiệp bên bờ vực phá sản. Tăng trưởng GDP được dự báo ở mức trên 5% trong năm 2013, những điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thị trường tài chính trong đó có chứng khoán.
- Lạm phát và giá cả: Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp rất nhiều khó khăn, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu tăng vọt, các biện pháp của Chính phủ Việt Nam nhằm kiềm chế lạm phát đã phát huy tác dụng trong năm 2012. Bằng những giải pháp quyết liệt trong chính sách tài khóa và tiền tệ, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng cả năm ở mức 6,81% thấp hơn so với mức tăng trong năm 2010 và 2011. Lạm phát giảm dần giúp chính phủ có cơ sở hạ lãi suất 6 lần trong năm và điều chỉnh giảm lãi suất huy động xuống 8%/năm vào những ngày cuối cùng của năm 2012. Năm 2013, tốc độ tăng giá tiêu dùng trong nước được dự báo vẫn ở mức 7-8% điều này tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

6.2 **Rủi ro về pháp luật**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như: Luật doanh nghiệp,

Luật Chứng khoán, các Luật thuế và các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán... Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế. Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách, của hệ thống pháp luật thì có thể sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn phải cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

6.3 Rủi ro đặc thù.

Rủi ro về cạnh tranh: Sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán vào năm 2006 đã dẫn đến tình trạng hiện nay của thị trường chứng khoán là có quá nhiều công ty chứng khoán trong khi đó lượng khách hàng giao dịch thì ít. Công ty đã phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, đưa ra các chính sách môi giới để giữ khách hàng và tìm kiếm khách hàng mới.

6.4 Rủi ro khác.

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: động đất, chiến tranh... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể ảnh hưởng đến Công ty

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trước những biến động của kinh tế vĩ mô và sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán, một số chỉ tiêu kinh doanh đặt ra đầu năm của NSI không hoàn thành tuy nhiên đây là giai đoạn khó khăn của nền kinh tế nói chung, ban điều hành Công ty đã nỗ lực rất nhiều để đưa hoạt động kinh doanh của Công ty có lợi nhuận. Kết thúc năm 2012 Công ty đã lãi gần 1,2 tỷ đồng.

Đối chiếu với mục tiêu phương hướng hành động đề ra từ đầu năm 2012, Công ty cũng đã đạt được một số kết quả như: Xây dựng được cơ chế lương phù hợp với kết quả kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm phục vụ hoạt động giao dịch của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty đã tái cơ cấu bộ máy tổ chức.

Dưới đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình hoạt động của NSI trong 3 năm vừa qua:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Tăng trưởng (%)
Vốn điều lệ	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	0,00
Vốn chủ sở hữu	20.806.504.257	16.076.845.190	17.245.277.95	8,39
Tổng tài sản	27.909.149.429	21.629.218.859	27.525.582.72	27,26
Doanh thu	17.552.088.774	9.635.870.403	10.306.111.46	6,96
LN trước thuế	89.418.822	-4.729.659.067	1.168.432.760	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010, 2011, 2012)

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tình hình thực hiện kết quả kinh doanh:

Kết thúc năm 2012, doanh thu đạt 10 tỷ đồng (tương đương 60 % kế hoạch), tổng chi phí là 8,8 tỷ (tương đương 69,46% kế hoạch), lợi nhuận đạt 1,2 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện các mục tiêu khác:

- Hoạt động tự doanh: Trong năm 2012, Công ty đã bán hết các chứng khoán mà trước kia đã mua.
- Hoạt động môi giới: Mặc dù doanh thu môi giới chứng khoán trong năm 2012 không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, chỉ bằng 60% so với kế hoạch nhưng chất lượng chuyên viên môi giới đã nâng cao đáng kể. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng và đưa vào áp dụng cơ chế lương kinh doanh theo doanh thu phù hợp hơn, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ bước đầu tạo được một số chuyển biến trong hoạt động môi giới của NSI vào các tháng cuối năm 2012;
- Dịch vụ tài chính: Đã đa dạng hóa các sản phẩm tài chính đáp ứng nhu cầu giao dịch của khách hàng. Bên cạnh đó việc cung cấp sản phẩm tài chính trong 06 tháng cuối năm đã ổn định hơn so với đầu năm 2012 và năm 2011 thu hút được nhiều nhà đầu tư giao dịch tại NSI;
- Hoạt động Tư vấn Tài chính: Cả năm 2012 Công ty đã thực hiện được một số hợp đồng tư vấn đem lại doanh thu gần 4 tỷ đồng
- Công tác tổ chức nhân sự: Công ty đã rà soát nhân sự hiện có, xây dựng hệ thống chức danh, hệ thống bảng mô tả công việc, xây dựng các tiêu chuẩn nhân sự cho từng vị trí công việc, sàng lọc đội ngũ nhân sự theo hướng tinh, gọn, phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty

2. Tổ chức nhân sự:

2.1 Danh sách Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Trình độ	Tỉ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Tóm tắt quá trình công tác		
					Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Chức danh công việc	Đơn vị công tác
Ban Tổng Giám đốc							
1	Bùi Thị Việt Hà Năm sinh: 1976 Giới tính: Nữ CMND số: 013083952 Ngày cấp: 19/6/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội	Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế	0%	5/2011 - nay	Tổng Giám đốc Công ty	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					3/2011 - 4/2011	Phó Tổng Giám đốc	
					9/2010 - 2/2011	Trưởng Ban kiểm soát	
					2007 - 2010	Phó phòng Kế toán - lưu ký; Phó phòng phụ trách Môi giới	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
					2000 -2006	Kế toán trưởng	Công ty TNHH Việt Phan
2	Vũ Như Thăng Long Năm sinh: 1977 Giới tính: Nam CMND số: 011798307 Ngày cấp: 22/6/2004 Nơi cấp: CA Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc	Thạc sỹ quản lý kinh tế	0%	7/2012	Phó Tổng Giám đốc Công ty	Công ty Chứng khoán Quốc Gia
					8/2011 - 7/2012	Trưởng phòng Môi giới 2	Công ty Chứng khoán Đại Dương
					4/2010 - 7/2011	Phó Trưởng phòng Giao dịch; Trưởng phòng DVKH&LK	Công ty Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
					12/2000 - 3/2010	Phó Trưởng phòng Giao dịch/ Trưởng phòng Giao dịch số 1	Công ty Chứng khoán Bảo Việt

Cán bộ quản lý khác

3	Phạm Thị Chiến Sinh năm: 1984 Giới tính: Nữ CMND số: 162488774 Ngày cấp: 10/3/2008 Nơi cấp: CA Nam Định	Kế toán trưởng	Thạc sỹ Kinh tế	0%	1/2011 - nay	Kế toán trưởng	Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia
					4/2009 - 12/2010	Chuyên viên kế toán tổng hợp	Công ty CP Chứng khoán Đại Nam
					01/2007 - 3/2009	Nhân viên kế toán tổng hợp	Công ty Công ty TNHH xuất nhập khẩu ACM
					7/2006 - 12/2006	Nhân viên kế toán bán hàng	Công ty Công ty TNHH xuất nhập khẩu ACM

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

09/01/2012 Bổ nhiệm bà Bùi Thị Việt Hà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty (theo quyết định số 70/GPĐC-UBCK ngày 09/1/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

13/8/2012 Bổ nhiệm Ông Vũ Như Thăng Long giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (theo Quyết định số 0810.01/2012/HĐQT-QĐ ngày 13/8/2012 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công)

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong toàn Công ty.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2012 Tổng số nhân viên toàn Công ty là 33 người; bao gồm:

Hội sở chính:

- Ban Tổng Giám đốc: 2 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 11 người
- Phòng Tư vấn: 2 người

Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh:

- Ban Giám đốc Chi nhánh: 2 người
- Phòng Môi giới và Dịch vụ khách hàng: 4 người
- Phòng Tư vấn: 2 người

Phòng/ban hỗ trợ khác:

(Bao gồm cả Hội sở và Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh): 10 người

2.4 Chính sách đối với người lao động:

Chính sách lương:

Mặc dù lợi nhuận không đạt như kỳ vọng do tình hình hoạt động kinh doanh chưa đạt được kế hoạch đề ra nhưng Công ty vẫn đảm bảo mặt bằng lương cạnh tranh trên thị trường và so với các công ty chứng khoán hiện nay nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

Chính sách khen thưởng, phúc lợi:

Được gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động. Các chế độ khen thưởng cụ thể trong năm 2012 như sau:

- + Thưởng tháng lương thứ 13
- + Thưởng nhân dịp các ngày lễ tết
- + Chế độ nhân dịp các ngày sinh nhật.

Chế độ bảo hiểm:

Các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của Nhà Nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Tính đến thời điểm 31/12/2012 Công ty không có khoản đầu tư lớn nào

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 31/12/2012 Công ty không liên kết và chưa mở công ty con

4. Tình hình tài chính:

4.1 Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% +/-
Tổng giá trị tài sản	21.629.218.859	27.525.582.722	27,26
Doanh thu thuần	9.635.870.403	10.306.111.467	6,96
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.838.088.137)	1.137.108.706	123,50
Lợi nhuận khác	108.429.070	31.324.054	(71,11)
Lợi nhuận trước thuế	(4.729.659.067)	1.168.432.760	124,70
Lợi nhuận sau thuế	(4.729.659.067)	1.168.432.760	124,70
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(946)	234	124,74

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2011, 2012)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Lần

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng, giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,80	2,241	(19,94)
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,80	2,240	(19,97)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,26	0,37	45,49
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,60	72,61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0	0	0
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,45	0,37	(15,96)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,49)	0,11	123,10
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,29)	0,07	123,03

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,22)	0,04	119,41
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,26	0,73	179,87

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011, 2012)

4.3 Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: hệ số thanh toán ngắn hạn giảm xuống trong năm 2012 là do tài sản ngắn hạn giảm trong khi nợ ngắn hạn tăng. Mặc dù vậy các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty nằm ở mức khá an toàn cho thấy công ty luôn đáp ứng thanh toán được khoản vay ngắn hạn.
- Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hoạt động kinh doanh của công ty được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu thông qua việc chi số nợ/ tổng tài sản. Điều này cho thấy sự chủ động về tài chính của NSI.
- Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Chỉ tiêu doanh thu thuần/tổng tài sản có xu hướng giảm xuống là do tốc độ tăng của tổng tài sản năm 2012 cao hơn tốc độ tăng của doanh thu năm 2012.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Chỉ tiêu ROA, ROE năm 2012 tăng so với năm 2011 là do năm 2012 tuy kinh tế gặp khó khăn nhưng công ty vẫn có lãi trong khi năm 2011 lỗ hơn 4 tỷ đồng.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông (tính tại ngày 31.12.2012):

STT	Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (pháp nhân)	Số giấy CMND/số Giấy CNDKKD	Ngày cấp	Số lượng cổ phần/phần vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ so với VDL	Đối tượng
1	Trần Việt Anh	013014219	16/10/2007	4.500.000	90%	Cổ đông lớn
2	Nguyễn Thị Thu Hương	145003300	10/03/2011	250.000	5%	Cổ đông lớn
3	Nguyễn Đình Thọ	012343162	16/05/2007	250.000	5%	Cổ đông lớn

5.3 *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có*

5.4 *Giao dịch cổ phiếu quỹ: không*

5.5 *Các chứng khoán khác: không*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2012
I	Doanh thu	10.306
1	Môi giới	3.152
2	Đầu tư	58
3	Doanh thu khác (tư vấn, lưu ký, ...)	7.096
II	Chi phí	9.169
1	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.806
2	Chi phí quản lý	6.363
III	Lợi nhuận khác	31
IV	Lãi/Lỗ	1.168

1.1 Những công việc đã hoàn thành:

- Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của công ty
- Thực hiện chuyển Trụ sở chính và Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, đóng cửa Phòng giao dịch 18 - Đoàn Trần Nghiệp, Hà Nội.
- Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động.
- Một số hoạt động nghiệp vụ:
 - + Đối với nghiệp vụ môi giới:
 - Tiếp tục tìm kiếm và phát triển khách hàng mới.
 - Đã nghiên cứu và triển khai thành công một số sản phẩm dịch vụ mới để nhằm thu hút khách hàng và tăng giá trị giao dịch cho Công ty
 - + Đối với nghiệp vụ tư vấn:
 - Ký kết một số hợp đồng tư vấn cho Ngân hàng TMCP Việt Á, Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng địa ốc Đất Xanh...

1.2 Những hạn chế:

- Công ty chưa thực hiện việc tăng vốn, nguồn vốn hạn chế làm ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động hỗ trợ cho khách hàng

- Công ty chưa có đầy đủ các nghiệp vụ của công ty chứng khoán nên chưa thể triển khai các nghiệp vụ theo quy định của UBCK, điều này ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	01/01/2012	31/12/2012
I Tài sản ngắn hạn	15.552.628.010	23.069.485.914
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.532.920.628	11.190.845.867
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	370.908.125	11.524.139
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	13.638.379.590	11.827.100.280
4. Hàng tồn kho	0	8.588.502
5. Tài sản ngắn hạn khác	10.419.667	31.427.126
II Tài sản dài hạn	6.076.590.849	4.456.096.808
1. Tài sản cố định	3.877.916.726	2.365.902.622
2. Tài sản dài hạn khác	2.198.674.123	2.090.194.186
Tổng cộng tài sản	21.629.218.859	27.525.582.722

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2012)

Tổng tài sản cuối năm 2012 tăng 27,26% là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng gần 11 tỷ tương đương với 630,03%.

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nợ phải trả	Năm 2011	Năm 2012
I	Nợ ngắn hạn	5.547.665.934	10.280.304.772
1	Vay và nợ ngắn hạn	1.000.000.000	0
2	Thuế và các khoản phải nộp NN	35.960.677	55.484.960
3	Phải trả người lao động	18.894.400	20.407.401
4	Chi phí phải trả	32.135.746	23.999.997
5	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.457.876.985	10.145.806.257

6	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		24.209.461
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	179.577	179.577
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.618.549	10.217.119
II	Nợ dài hạn	4.707.735	
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	4.707.735	0
Tổng cộng		10.076.845.190	17.245.277.950

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011, 2012)

Đến 31/12/2012 NSI không còn khoản vay và nợ ngắn hạn, nợ dài hạn nào.

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác là khoản tiền ký quỹ của nhà đầu tư để tại Công ty và được quản lý tại tài khoản tiền gửi ở Ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Ôn định tổ chức hoạt động của Công ty về mặt nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty.

Chủ động rà soát lại các quy chế, quy định liên quan đến toàn bộ hoạt động của các phòng chuyên môn, đồng thời giao nhiệm vụ để các Phòng ban, đơn vị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty như: các quy trình nghiệp vụ, quy trình hợp tác kinh doanh, nội quy lao động....

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1 Một số dự báo tình hình năm 2013.

Kinh tế thế giới:

Theo các chuyên gia thuộc ngân hàng Goldman Sachs của Mỹ, năm 2013 sẽ là một năm sáng sủa hơn đối với nền kinh tế toàn cầu. Cuộc khủng hoảng nợ của châu Âu sẽ tiếp tục gây ra những trở ngại, nhưng bù lại kinh tế Mỹ sẽ phục hồi tốt hơn (tăng trưởng quanh ngưỡng 2%), kinh tế Trung Quốc sẽ dần ổn định (tăng trưởng trên 8%). Tại Mỹ thị trường nhà đất và việc làm sẽ có thêm những bước hồi phục; căng thẳng về nguồn cung năng lượng toàn cầu sẽ được giải tỏa; các nền kinh tế, nhất là các nền kinh tế phát triển, sẽ có cơ hội để tăng trưởng mạnh hơn. Các ngân hàng trung ương lớn hàng đầu thế giới như Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED), ECB, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) và Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) sẽ tiếp tục duy trì lãi suất thấp để kích thích tăng trưởng. Những căng thẳng về nguồn cung nhiên liệu sẽ bắt đầu giảm trong năm 2013 nhờ Mỹ tăng cường sản xuất dầu lửa, cũng như việc khơi thông ách tắc trong hệ thống đường ống dẫn dầu của thế giới, nhờ đó giá dầu lửa sẽ ổn định ở mức 80-90 USD/thùng. Tuy nhiên, trong khu vực đồng Euro, sự khác biệt về tăng trưởng kinh tế giữa các nước chủ chốt (Đức) với

các nước bị ngập nợ (Tây Ban Nha, Hy Lạp...) ngày càng sâu sắc. Do vậy tăng trưởng của khu vực này sẽ thấp. Trên cơ sở những phân tích trên mà Goldman Sachs dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2013 sẽ ở mức 3,3%.

Theo dự báo của Văn phòng nội các Nhật Bản thì kinh tế thế giới sẽ tiếp tục phục hồi tuy còn chậm, chỉ đạt 2,5-2,9%, nhờ sự trợ sức từ các chính sách của các quốc gia, trong đó có hệ thống ngân hàng. Dự báo tăng trưởng kinh tế của Mỹ khoảng 2%, của Trung Quốc khoảng 8-8,4%, của Ấn Độ khoảng 6%.

Theo dự báo của chuyên gia kinh tế Mỹ Nouriel Roubini trong một Hội nghị SALT thì 4 vấn đề chính của nền kinh tế toàn cầu là sự suy thoái của kinh tế Mỹ, sự tan rã của châu Âu, cuộc xung đột quân sự tại Iran và sự xuống dốc của các thị trường mới nổi, đặc biệt là Trung Quốc, đều sẽ xảy ra cùng một lúc và tạo thành cơn bão. Ông cho rằng, tình hình tài chính của Hy Lạp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và nhiều nước châu Âu khác sẽ lan rộng ra nền kinh tế toàn cầu và Hy Lạp sẽ là nước đầu tiên rời khỏi Eurozone, còn Tây Ban Nha cuối năm 2012 sẽ mất quyền tham gia thị trường vốn cho đến khi tái cấu trúc được khoản nợ. Đối với kinh tế Mỹ, thị trường chứng khoán sẽ rơi vào suy thoái hơn nữa. Do vậy, mà ông cho rằng *"Tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ ở mức dưới 2%, tỷ lệ thất nghiệp cao, việc làm mới nhỏ giọt. Điều đó sẽ khiến tình hình tồi tệ hơn"*.

Kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán:

Tình hình kinh tế trong nước năm 2013 được sẽ có những yếu tố thuận lợi, đó là:

Thứ nhất, Chính phủ tiếp tục tích cực triển khai các biện pháp để tái cấu trúc nền kinh tế khi các đề án về tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), hệ thống ngân hàng và TTCK đã được ban hành. Đồng thời, Chính phủ cũng tiếp tục thực hiện các chính sách để ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2013 cao hơn so với mức tăng trưởng năm 2012.

Thứ hai, Chính phủ đã và đang chỉ đạo triển khai các giải pháp tích cực nhằm tháo gỡ khó khăn cho DN, xử lý các vấn đề về nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, thị trường bất động sản, tăng trưởng tín dụng và mặt bằng lãi suất.

Thứ ba, điều kiện kinh tế trong nước đã có những cải thiện nhất định khi lạm phát từng bước được kiềm chế (chỉ số CPI năm 2012 đã giảm xuống 6,81%); cán cân thương mại cải thiện mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm dần, tỷ giá được duy trì ổn định, dự trữ ngoại hối tăng...

Thứ tư, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh và hỗ trợ thị trường thông qua các giải pháp về thuế, phí, hỗ trợ tài

chính, chỉ tiêu ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản. Đặc biệt, các giải pháp tái cấu trúc DNNN sẽ tạo ra những tác động tích cực cho cộng đồng DN cả nền kinh tế.

Thứ năm, Ngân hàng Nhà nước cũng đưa ra nhiều giải pháp nhằm giảm dần mặt bằng lãi suất, triển khai các chương trình tín dụng hỗ trợ lãi suất..

Thứ sáu, khung pháp lý cho thị trường và cho công tác tái cấu trúc thị trường, đặc biệt là tái cấu trúc cho các công ty chứng khoán về cơ bản được hoàn thiện nên đây cũng là tiền đề rất quan trọng để thúc đẩy TTCK trong thời gian tới.

Bên cạnh những thuận lợi là những khó khăn sau:

Thứ Nhất, trong nước, chính sách kinh tế phải thực hiện đồng thời mục tiêu duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, đề phòng lạm phát tăng cao trở lại và vẫn bảo đảm tăng trưởng cao hơn so với năm 2012.

Thứ Hai, sức cầu trong nước còn yếu, khả năng cạnh tranh, hiệu quả của nền kinh tế còn thấp.

Thứ Ba, việc xử lý nợ xấu ngân hàng và tái cấu trúc DNNN là vấn đề lớn và không thể xử lý ngay trong ngày một ngày hai.

Thứ Tư, ngân sách Nhà nước sẽ còn có nhiều khó khăn, yêu cầu chi cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô tăng nhưng nguồn thu có nhiều khó khăn.

4.2 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh:

Trên cơ sở dự báo thị trường, quan điểm của ban điều hành tiếp tục đề xuất thận trọng và từng bước tìm cơ hội thị trường để tận dụng do đó Ban Tổng giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh trên lượng vốn khả dụng hiện có và lộ trình tăng vốn của Công ty như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2011	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013
I	Doanh thu	9.636	10.306	45.897
1	Môi giới	1.324	3.152	7.870
2	Đầu tư	6.950	58	29.000
3	Doanh thu khác (nguồn, tư vấn, ...)	1.362	7.096	9.027
II	Chi phí	14.474	9.169	17.238
1	Chi phí hoạt động KDCK	7.130	2.806	5.177
2	Chi phí quản lý	7.344	6.363	12.061
III	Lợi nhuận khác	108	31	

IV	Lãi/Lỗ	-4.730	1.168	28.659
----	--------	--------	-------	--------

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán không có ý kiến loại trừ và ý kiến chấp nhận từng phần

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong bối cảnh phức tạp của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả an toàn với mức lợi nhuận 1,2 tỷ đồng, đạt 30% kế hoạch đặt ra. Mặc dù chưa đạt được kết quả như kế hoạch nhưng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty vẫn luôn nỗ lực cùng Ban Tổng giám đốc chèo lái và đưa công ty ngày một phát triển.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Trong năm 2012 vừa qua Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

3.1 Công tác định hướng hoạt động:

Năm 2013 Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu an toàn và hiệu quả, cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn, tập trung hoạt động cốt lõi.
- Định hướng hoạt động dịch vụ, nâng cao chất lượng các dịch vụ
- Định hướng củng cố mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh 2013

3.2 Công tác phát triển:

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch 2013 đã đề ra
- Hoàn thành phương án tăng vốn lên 170 tỷ để mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh và nâng cao hoạt động kinh doanh

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Sst	Thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng CP sở hữu	Tỉ lệ sở hữu CP	Hình thức	Chức danh nắm giữ tại công ty khác
1	Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	0	0		Phó CT HĐQT Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng địa ốc Đất Xanh. Phó CT HĐQT Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục. Phó CT HĐQT Công ty CP Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến. Thành viên HĐQT Công ty CP Công viên nước Đầm Sen
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	4.500.000	90%	Thành viên không trực tiếp điều hành	Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ Thành viên HĐQT - Công ty CP Phát triển căn hộ Nam Long
3	Ông Nguyễn Lương Tân	Ủy viên HĐQT	0	0	Thành viên độc lập	Trợ lý cao cấp Tổng giám đốc ngân hàng Việt Nam thịnh vượng VPBank

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012, Hội đồng Quản trị luôn bám sát hoạt động thực tế của Công ty để đưa ra các chủ trương, quyết sách nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

Hội đồng Quản trị luôn theo sát Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, của Đại hội đồng cổ đông Công ty

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Năm 2012, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 04 cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Trần Việt Anh	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Nguyễn Lương Tân	Ủy viên HĐQT	4/4	100%	

Nội dung và Quyết định/Nghị quyết các cuộc họp Hội đồng Quản trị, như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	120529.02/2012/HĐQT-NQ	29/5/2012	- Thông qua mức chi trả thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
2	0703.01/2012/HĐQT-NQ	03/7/2012	- Thông qua định hướng triển khai hoạt động và phát triển Công ty giai đoạn 2012 - 2015 - Thông qua mô hình tổ chức bộ máy của Công ty - Thông qua việc cơ cấu nhân sự Ban Điều hành Công ty - Thông qua việc ghi nhận và bổ sung kế hoạch kinh doanh năm 2012, hạn mức đầu tư mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ và đầu tư mới, nâng cấp công nghệ thông tin
3	0905.01/2012/HĐQT-NQ	05/9/2012	- Thông qua chủ trương chuyển địa điểm Chi nhánh Công ty Cổ phần

			Chứng khoán Quốc Gia tại TP Hồ Chí Minh.
4	1015.01/2012/HĐQT-NQ	15/10/2012	- Cơ cấu nhân sự Ban Lãnh đạo Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia tại TP Hồ Chí Minh

1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Ngoại trừ ông Nguyễn Quang Vinh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đồng thời là Người đại diện theo pháp luật, các thành viên Hội đồng Quản trị khác đều không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty, tuy vậy với việc duy trì chế độ báo cáo thường kỳ bằng hình thức văn bản, bằng dữ liệu điện tử các thành viên Hội đồng Quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành, chỉ đạo kịp thời với Ban Lãnh đạo Công ty

1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.6 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Nguyễn Quang Vinh – Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Ông Nguyễn Lương Tân – Thạc sỹ Quản lý kinh tế

1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: không

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	5%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của NSI cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo NSI về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của NSI, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của NSI.

- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình.

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của NSI, bám sát nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Tên	Chức vụ	Thù lao (đồng/người/năm)
I. Thù lao hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Quang Vinh	Chủ tịch HĐQT	155.555.554
2	Nguyễn Lương Tân	Ủy viên HĐQT	1.333.332
3	Trần Việt Anh	Ủy viên	1.333.332
II. Thù lao ban kiểm soát			
1	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	0

STT	Tên	Chức vụ	Lương (đồng/người/năm)
Tiền lương của Ban giám đốc			
1	Bùi Thị Việt Hà	Tổng giám đốc	285.900.000
2	Nguyễn Lương Tân	Giám đốc kinh doanh	174.060.743
3	Vũ Nhữ Thăng Long	Phó tổng giám đốc	164.791.190

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP chuyển nhượng	Số lượng CP nhân chuyển nhượng	Số lượng CP sau chuyển nhượng	Thời gian chuyển nhượng
1	Trần Việt Anh	Thành viên HĐQT		4.500.000 (90%/VĐL)	4.500.000 (90%/VĐL)	24/4/2012
2	Nguyễn Lương Tân	Thành viên HĐQT		250.000 (5%/VĐL)	250.000 (5%/VĐL)	24/4/2012

3	Nguyễn Lương Tân	Thành viên HĐQT	250.000 (5%/VĐL)		0	26/12/2012
4	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát		250.000 (5%/VĐL)	250.000 (5%/VĐL)	26/12/2012

3.3 *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

3.4 *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Trong năm 2012 Công ty không có nội dung nào chưa thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản trị công

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 90 /2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 28/02/2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp

dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 20 tháng 3 năm 2012 có dạng ý kiến giới hạn do Công ty theo dõi tiền gửi của nhà đầu tư và tiền gửi của Công ty trên tài khoản tổng và chưa thực hiện xác nhận số dư khoản phải trả khác tại ngày 31/12/2011 với số tiền 1.482.164.242 đồng. Kiểm toán viên năm nay đã xem xét và đánh giá số dư công nợ phải trả khác và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Lưu ý:

Năm 2012, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao của một số tài sản cố định vô hình trong khung thời gian quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính kể từ ngày 16/08/2012. Việc thay đổi thời gian khấu hao dẫn đến giảm chi phí khấu hao và tăng lợi nhuận năm 2012 là 327 095.300 đồng so với thời gian khấu hao áp dụng trước ngày 16/8/2012.

Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số
1382/KTV*

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
*Chứng chỉ Kiểm toán
viên số 0580/KTV*

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-CTCK

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		23.069.485.914	15.552.628.010
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.2	11.190.845.867	1.532.920.628
1. Tiền	111		11.190.845.867	1.532.920.628
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.1	11.524.139	370.908.125
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.617.684	3.903.869.534
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(21.093.545)	(3.532.961.409)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.827.100.280	13.638.379.590
1. Phải thu khách hàng	131		-	1.279.058.985
2. Trả trước cho người bán	132		153.050.000	129.834.120
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	5.3	11.295.819.882	12.124.958.832
5. Phải thu khác	138		378.230.398	104.527.653
IV- Hàng tồn kho	140		8.588.502	-
1. Hàng tồn kho	141		8.588.502	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		31.427.126	10.419.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	17.527.126	4.800.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	13.900.000	5.619.667
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		4.456.096.808	6.076.590.849
II- Tài sản cố định	220		2.365.902.622	3.877.916.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	633.646.285	1.335.771.124
- Nguyên giá	222		3.021.449.567	6.694.690.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.387.803.282)	(5.358.919.559)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	1.732.256.337	2.542.145.602
- Nguyên giá	228		4.225.008.794	4.566.780.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.492.752.457)	(2.024.634.472)
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.090.194.186	2.198.674.123
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	160.168.930	530.423.318
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	5.9	1.659.688.706	1.525.414.605
4. Tài sản dài hạn khác	268		270.336.550	142.836.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		27.525.582.722	21.629.218.859

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01-CTCK

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.280.304.772	5.552.373.669
I- Nợ ngắn hạn	310		10.280.304.772	5.547.665.934
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.000.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	55.484.960	35.960.677
5. Phải trả người lao động	315		20.407.401	18.894.400
6. Chi phí phải trả	316	5.11	23.999.997	32.135.746
8. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	318	5.12	10.145.806.257	4.457.876.985
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		24.209.461	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		179.577	179.577
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		10.217.119	2.618.549
II- Nợ dài hạn	330		-	4.707.735
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	4.707.735
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		17.245.277.950	16.076.845.190
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	17.245.277.950	16.076.845.190
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		219.857.812	219.857.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		528.621.659	528.621.659
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(33.503.201.521)	(34.671.634.281)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		27.525.582.722	21.629.218.859

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
6. Chứng khoán lưu ký - Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		357.972.908.000	205.742.999.000

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu	01		10.306.111.467	9.635.870.403
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.151.732.371	1.323.751.813
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		58.419.250	6.950.086.290
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.822.727.272	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		329.625.700	116.854.179
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài	01.8		294.145.660	-
- Doanh thu khác	01.9		2.649.461.214	1.245.178.121
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01-02)	10		10.306.111.467	9.635.870.403
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		2.806.354.779	7.130.400.067
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10-11)	20		7.499.756.688	2.505.470.336
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.14	6.362.647.982	7.343.558.473
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+25)	30		1.137.108.706	(4.838.088.137)
8. Thu nhập khác	31		55.253.190	514.619.830
9. Chi phí khác	32		23.929.136	406.190.760
10. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.15	31.324.054	108.429.070
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.168.432.760	(4.729.659.067)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.16	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		1.168.432.760	(4.729.659.067)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17	234	(946)

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03-CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
1	2	3	4
			5
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.168.432.760	(4.729.659.067)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.561.388.927	1.924.360.382
- Các khoản dự phòng	03	(3.511.867.864)	418.354.338
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(59.356.622)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(782.046.177)	(2.446.300.969)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.541.224.526	(6.160.547.445)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.588.502)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	5.676.598.789	2.582.407.249
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	357.527.262	962.996.236
- Tiền lãi vay đã trả	13	(662.983.714)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(750.991.993)	(1.473.972.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	5.370.740.191	(6.535.417.927)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(74.476.091)	(150.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.545.455	213.636.364
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.871.251.850	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	1.439.863.834	421.100.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.287.185.048	484.736.772
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.603.000.000	5.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.603.000.000)	(4.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	9.657.925.239	(5.050.681.155)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.532.920.628	6.583.601.783
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	11.190.845.867	1.532.920.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-CTCK

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015003 ngày 11/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK-GPHĐKD ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009 và Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Ông Trần Việt Anh	4.500.000	45 000.000.000	90,0%
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	250.000	2.500.000.000	5,0%
Ông Nguyễn Đình Thọ	250.000	2.500.000.000	5,0%
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100%

Số lao động bình quân: 25 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2012 là tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho Công ty Chứng khoán.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chứng khoán đầu tư được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Năm 2012

Số năm

03 - 07

03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 08 năm.

Năm 2012, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao của một số tài sản cố định vô hình trong khung thời gian quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính kể từ ngày 16/08/2012. Việc thay đổi thời gian khấu hao dẫn đến giảm chi phí khấu hao và tăng lợi nhuận năm 2012 là 327.095.300 đồng so với thời gian khấu hao áp dụng trước ngày 16/8/2012.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ được phân ánh theo chi phí ban đầu và thực hiện phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 02-03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 05 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoạt động mua và bán chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Doanh thu hoạt động góp vốn, ủy thác đầu tư được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng						So với giá trị tăng						Tổng giá trị theo giá trị tăng	
	31/12/2012			01/01/2012			Tăng			Giảm			31/12/2012	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại														
- Cổ phiếu														
BHS	6			4	75.660	20.340		28.740					96.000	104.400
BMC	3			2	288.800	-		-		143.000		237.400	145.800	51.400
CIC	90			82	2.398.500	-		-		2.209.500		2.242.700	189.000	155.800
CTN	11			10	143.040	-		-		94.640		106.040	48.400	37.000
DHA	9			9	299.700	-		-		212.400		223.200	87.300	76.500
DHI	38			38	1.795.500	-		-		1.578.900		1.643.500	216.600	152.000
DRC	2			8	8.850	42.550		152.100		-		-	51.400	205.000
EBS	20			720	174.671	-		-		14.671		54.671	160.000	120.000
FBT	-			100.000		-		-		-		3.509.100.000	-	358.708.000
GMC	6			2.836	134.344	-		-		-		46.144	114.000	88.200
GTA	8			8	118.560	-		-		20.344		66.560	57.600	52.000
HAI	8			15	108.622	84.978		83.378		60.960		-	193.600	192.000
HAS	6			6	34.450	-		-		4.450		8.050	30.000	26.400
HAX	3			13	83.077	-		-		72.877		68.677	10.200	14.400
HBC	15			6	171.690	23.310		-		-		11.390	195.000	160.300
HNH	60			60	915.840	-		-		615.840		639.840	300.000	276.000
HPC	135			2.145	1.911.985	-		-		1.398.985		1.767.985	513.000	144.000
ITA	7			6	150.800	-		-		117.900		111.800	32.900	39.000
KDC	1			-	130.150	-		-		90.150		104.150	40.000	26.000
KHA	2			2	34.200	-		-		7.400		17.600	26.800	16.600
KHP	4			4	72.020	-		-		39.220		44.820	32.800	27.200
KLK	62			162	773.959	-		-		246.959		284.159	527.000	489.800
LAF	3			3	103.200	-		-		91.500		60.000	11.700	43.200
MHC	8			8	251.500	-		-		229.100		233.100	22.400	18.400
PET	1			1	77.050	-		-		64.550		65.050	12.500	12.000
POT	9			209	176.594	-		-		95.594		106.394	81.000	70.200

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
PPC	7	7	322.148	322.148	-	-	-	-	273.148	83.300	49.000	-
PPG	90	900	-	-	396.000	297.000	-	-	-	396.000	297.000	-
PVT	2	12	56.833	56.833	-	-	-	-	50.633	8.200	6.200	-
RAL	2	2	112.600	112.600	-	-	-	-	70.200	50.600	42.400	-
REE	5	15	196.500	196.500	-	-	-	-	140.000	83.000	56.500	-
RIC	6	6	103.264	103.264	-	-	-	-	71.464	33.600	31.800	-
S55	96	96	1.926.144	1.926.144	3.456	-	-	-	630.144	1.929.600	1.296.000	-
S99	76	210	595.371	595.371	-	-	-	-	284.271	364.800	311.100	-
SAM	6	3	93.472	93.472	-	-	-	-	67.672	44.400	25.800	-
SAP	45	145	806.431	806.431	-	-	-	-	599.431	697.500	207.000	-
SD5	79	79	2.468.892	2.468.892	-	-	-	-	596.592	853.200	1.872.300	-
SD7	41	41	2.214.000	2.214.000	-	-	-	-	1.873.700	229.600	340.300	-
SD9	68	68	983.552	983.552	-	-	-	-	575.552	503.200	408.000	-
SIC	72	72	1.518.264	1.518.264	-	-	-	-	1.136.664	374.400	381.600	-
SJE	80	80	3.563.500	3.563.500	-	-	-	-	3.019.500	632.000	544.000	-
STB	7	157	176.748	176.748	-	-	-	-	71.048	86.100	105.700	-
STC	60	60	1.092.000	1.092.000	-	-	-	-	702.000	504.000	390.000	-
TCR	6	6	68.094	68.094	-	-	-	-	36.894	26.400	31.200	-
TMC	12	12	232.380	232.380	-	-	-	-	124.380	130.800	108.000	-
TPH	12	12	-	-	70.800	-	-	-	-	70.800	-	-
UNI	7	7	105.448	105.448	-	-	-	-	78.848	55.300	26.600	-
VC2	77	77	1.751.040	1.751.040	-	-	-	-	673.040	716.100	1.078.000	-
VCB	6	30.546	585.068	585.068	-	-	-	-	454.268	163.200	130.800	-
VCS	70	98	-	-	721.000	-	-	-	2.329.600	721.000	1.070.000	-
VIC	3	13	122.273	122.273	117.727	176.227	-	-	-	240.000	298.500	-
VIP	1	11	19.588	19.588	-	-	-	-	15.388	6.200	4.200	-
VSP	62	162	2.153.742	2.153.742	-	-	-	-	1.843.742	86.800	310.000	-
VTS	62	40	917.570	917.570	-	24.830	-	-	-	719.200	942.600	-
	1.577	227.576	32.617.684	3.903.869.534	1.480.161	762.275	21.093.545	3.532.961.409	13.004.300	371.670.400		

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-CTCK

5.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	21.675.187	23.874.761
Tiền gửi ngân hàng	11.100.605.465	1.495.711.535
- Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	9.776.882.026	1.379.158.587
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	68.565.215	13.334.332
Tổng	11.190.845.867	1.532.920.628

5.3 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	6.831.228.195	2.497.585.832
Trần Quốc Toàn	1.084.152.901	2.273.126.833
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	2.622.748.543	-
Nguyễn Trọng Bộ	439.304.834	-
Nguyễn Lan Hương	280.105.872	-
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	368.923.990	-
Nguyễn Hải Dương	255.301.703	-
Nguyễn Thị Huyền	253.622.488	-
Hồ Thị Vân Anh	367.371.338	-
Khác	1.159.696.526	224.458.999
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	4.374.891.687	936.679.000
Phạm Minh Hiền	-	250.000.000
Nguyễn Lan Hương	-	114.492.480
Nguyễn Lan Hương	100.150.000	-
Hồ Thị Vân Anh	530.000.000	-
Ninh Thị Minh Khuê	430.069.954	-
Phạm Thị Phương Hiền	672.220.837	-
Phạm Duy	632.000.000	-
Lê Đình Hạnh	477.673.181	-
Nguyễn Thị Huyền	309.402.246	-
Bách Quốc Dũng	281.700.000	-
Phạm Thị Hà	247.134.796	-
Nhâm Anh Tuấn	172.905.506	-
Nguyễn Trọng Bộ	148.635.773	-
Khác	372.999.394	-
Phải thu khách hàng về GD chứng khoán	89.700.000	8.690.694.000
Tổng	11.295.819.882	12.124.958.832

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	4.800.000	474.475.917
Tăng	526.815.049	1.621.416.330
Phân bổ vào chi phí trong năm	514.087.923	2.091.092.247
Tại ngày 31 tháng 12	17.527.126	4.800.000

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	12.599.126	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.928.000	4.800.000
Tổng	17.527.126	4.800.000

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	13.900.000	5.619.667
Tổng	13.900.000	5.619.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	4.180.294.488	2.514.396.195	6.694.690.683
Tăng trong năm	-	74.476.091	74.476.091
Mua trong năm	-	74.476.091	74.476.091
Giảm trong năm	3.374.859.825	372.857.382	3.747.717.207
Thanh lý, nhượng bán	3.374.859.825	372.857.382	3.747.717.207
Số dư tại 31/12/2012	<u>805.434.663</u>	<u>2.216.014.904</u>	<u>3.021.449.567</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	3.822.792.215	1.536.127.344	5.358.919.559
Tăng trong năm	294.400.097	457.099.565	751.499.662
Khấu hao trong năm	294.400.097	457.099.565	751.499.662
Giảm trong năm	3.359.840.403	362.775.536	3.722.615.939
Thanh lý, nhượng bán	3.359.840.403	362.775.536	3.722.615.939
Số dư tại 31/12/2012	<u>757.351.909</u>	<u>1.630.451.373</u>	<u>2.387.803.282</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	<u>357.502.273</u>	<u>978.268.851</u>	<u>1.335.771.124</u>
Tại 31/12/2012	<u>48.082.754</u>	<u>585.563.531</u>	<u>633.646.285</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 341.771.280 đồng.

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2012	4.566.780.074	4.566.780.074
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	341.771.280	341.771.280
Thanh lý do không còn sử dụng được và đã hết khấu hao	341.771.280	341.771.280
Số dư tại 31/12/2012	<u>4.225.008.794</u>	<u>4.225.008.794</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2012	2.024.634.472	2.024.634.472
Tăng trong năm	809.889.265	809.889.265
Khấu hao trong năm	809.889.265	809.889.265
Giảm trong năm	341.771.280	341.771.280
Thanh lý, nhượng bán	341.771.280	341.771.280
Số dư tại 31/12/2012	<u>2.492.752.457</u>	<u>2.492.752.457</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2012	<u>2.542.145.602</u>	<u>2.542.145.602</u>
Tại 31/12/2012	<u>1.732.256.337</u>	<u>1.732.256.337</u>

Năm 2012, Công ty thực hiện điều chỉnh tăng thời gian khấu hao của một số tài sản cố định vô hình trong khung thời gian quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính kể từ ngày 16/08/2012. Việc thay đổi thời gian khấu hao dẫn đến giảm chi phí khấu hao và tăng lợi nhuận năm 2012 là 327.095.300 đồng so với thời gian khấu hao áp dụng trước ngày 16/8/2012

Căn cứ vào tình hình kinh doanh của công ty các năm trước, các phần mềm giao dịch của Công ty đã tính thời gian khấu hao từ 3 đến 5 năm. Hiện nay, tuy thời gian khấu hao sắp hết nhưng các phần mềm đó vẫn sử dụng tốt và hằng năm công ty vẫn tiếp tục bảo trì, nâng cấp các phần mềm đó.

Theo quy định tại Điều 11 Phần C của thông tư 203/2009/TT-BTC: “Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm” và dựa vào tình hình kinh doanh của công ty cũng như giá trị sử dụng của các phần mềm, Hội đồng Quản trị của công ty đã ra quyết định điều chỉnh thời gian khấu hao của các phần mềm giao dịch lên 8 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	530.423.318	1.023.743.637
Tăng	131.990.000	15.114.155
Phân bổ vào chi phí trong năm	502.244.388	508.434.474
Tại ngày 31 tháng 12	160.168.930	530.423.318

5.5
5.8 Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Chi tiết theo nội dung

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa TSCĐ	53.177.836	473.329.958
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	936.847	46.408.152
Chi phí phần mềm Goline	96.900.277	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.153.970	10.685.208
Tổng	160.168.930	530.423.318

5.9 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	319.929.007	319.929.007
Tiền nộp bổ sung	1.154.076.496	1.154.076.496
Tiền lãi phân bổ	185.683.203	51.409.102
Tổng	1.659.688.706	1.525.414.605

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	15.448.592	21.363.636
Thuế thu nhập cá nhân	40.036.368	14.597.041
Tổng	55.484.960	35.960.677

5.11 Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-CTCK

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước phí giao dịch và phí lưu ký tháng 12/2011	-	32.135.746
Thù lao HĐQT	23.999.997	-
Tổng	23.999.997	32.135.746

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.517.148	17.117.148
Bảo hiểm xã hội	18.633.600	12.626.108
Bảo hiểm y tế	3.493.800	2.887.713
Bảo hiểm thất nghiệp	1.552.800	1.147.828
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.776.882.026	1.379.158.587
Các khoản phải trả, phải nộp khác	340.726.883	3.044.939.601
- Nguyễn Văn Hùng	-	1.200.000.000
- Nguyễn Chí Thành	297.667.000	297.667.000
- Nguyễn Văn Khoa	-	576.997.968
- Trần Thị Thu Thảo	-	335.111.233
- Trần Minh Hà	-	435.436.065
- Phạm Minh Hiền	-	66.950.250
- Tiền đặt cọc đấu giá	33.540.000	33.540.000
- Phải trả, phải nộp khác	9.519.883	99.237.085
Tổng	10.145.806.257	4.457.876.985

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 MẪU B 09 -CTCK

5.13 Vốn chủ sở hữu

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ	
	01/01/2011	01/01/2012	Kỳ trước		Kỳ này	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
A	1	2	3	4	5	6
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu						
7 Quỹ đầu tư phát triển	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	219.857.812	219.857.812	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	528.621.659	528.621.659	-	-	-	-
	(29.941.975.214)	(34.671.634.281)	-	4.729.659.067	1.168.432.760	-
Tổng	20.806.504.257	16.076.845.190	-	4.729.659.067	1.168.432.760	-
					16.076.845.190	17.245.277.950

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -CTCK

5.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.625.443.367	2.695.381.778
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	92.110.702	210.501.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.667.476.914	1.924.360.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.679.993.114	2.425.414.852
Chi phí khác bằng tiền	297.623.885	87.899.647
Tổng	6.362.647.982	7.343.558.473

5.15 Lợi nhuận khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác	55.253.190	514.619.830
Thu tiền thanh lý TSCĐ	50.545.455	213.636.364
Cho thuê nhà	-	300.983.466
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp MVL	4.707.735	-
Chi phí khác	23.929.136	406.190.760
Ấn phí		
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	23.929.136	104.334.557
Cho thuê nhà	-	300.983.466
Chi phí khác	-	872.737
Tổng	31.324.054	108.429.070

5.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.137.108.706	(4.838.088.137)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.137.108.706	-
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>1.137.108.706</i>	-
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 -CTCK

5.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.168.432.760	(4.729.659.067)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.168.432.760	(4.729.659.067)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	234	(946)

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2012 VND</u>
Ban Giám đốc		Lương, thưởng	735.759.985
Hội đồng quản trị		Thù lao	156.888.886

6.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia Việt Nam.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của
Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Quang Vinh